

Chi tiết mã HS 8515.80.90

Mã HS	8515.80.90
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị hàn các loại dùng điện (kể cả khí ga nung nóng bằng điện), dùng chùm tia laser hoặc chùm tia sáng khác hoặc chùm phôtông, siêu âm, chùm electron, xung từ hoặc hồ quang, có hoặc không có khả năng cắt; máy và thiết bị dùng điện để xì nóng kim loại hoặc gồm kim loại / - Máy và thiết bị khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 16:30:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85158090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15285
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15285
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15285
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14592
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14533
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14533
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14533
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14533
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14533
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14533
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14587
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14587
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14587
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14587

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14587
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14587
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14588
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14588
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14588
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14588
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14588
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14588
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14591
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14539
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14547
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14547
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14547
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14547
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14547
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14547
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14578
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14578
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14578
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14578
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14578
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14578
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14633
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14633
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14633
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14633

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14633
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14633
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14610
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14610
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14610
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14610
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14610
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14610
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14610
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14610
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14610
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14610
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14610
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14610
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14625
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14625
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14625
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14625
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14625
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14625
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14624
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14624
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14624
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14624
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14624
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14624

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14617
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14617
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14617
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14617
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14617
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14617
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14617
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14612
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14612
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14612
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14612
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14612
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14612
RCEP B	2022	2022	0	B!D14612
RCEP B	2023	2023	0	B!E14612
RCEP B	2024	2024	0	B!F14612
RCEP B	2025	2025	0	B!G14612
RCEP B	2026	2026	0	B!H14612
RCEP B	2027	2027	0	B!I14612
RCEP C	2022	2022	0	C!D14612
RCEP C	2023	2023	0	C!E14612
RCEP C	2024	2024	0	C!F14612
RCEP C	2025	2025	0	C!G14612
RCEP C	2026	2026	0	C!H14612
RCEP C	2027	2027	0	C!I14612
RCEP D	2022	2022	0	D!D14611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14611
RCEP D	2024	2024	0	D!F14611
RCEP D	2025	2025	0	D!G14611
RCEP D	2026	2026	0	D!H14611
RCEP D	2027	2027	0	D!I14611
RCEP E	2022	2022	0	E!D14615
RCEP E	2023	2023	0	E!E14615
RCEP E	2024	2024	0	E!F14615
RCEP E	2025	2025	0	E!G14615
RCEP E	2026	2026	0	E!H14615
RCEP E	2027	2027	0	E!I14615
RCEP F	2022	2022	0	F!D14612
RCEP F	2023	2023	0	F!E14612
RCEP F	2024	2024	0	F!F14612
RCEP F	2025	2025	0	F!G14612
RCEP F	2026	2026	0	F!H14612
RCEP F	2027	2027	0	F!I14612
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13599
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13599
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13599
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13599

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8515.80 có 2 dòng thuế; dòng 8515.80.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8515.80.10 Máy và thiết bị điện để xì nóng kim loại hoặc carbua kim loại đã thiêu kết	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8515.80.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8515.80.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15285), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.